

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

- Tên học phần (tiếng Việt) : **Luật thương mại quốc tế**
- Tên học phần (tiếng Anh) : **International Trade Law**
- Mã học phần : **LE2015**
- Trình độ : **Cử nhân**
- Loại học phần : ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - ☐ Kiến thức giáo dục đại cương
 - ☐ Kiến thức cơ sở khối ngành
- Thuộc thành phần : ☐ Kiến thức cơ sở ngành
 - ☐ Kiến thức ngành / chuyên ngành
 - ☐ Kiến thức cuối khoá
- Khoa, Bộ môn phụ trách : **Khoa Kinh tế - Quản trị, Bộ môn Luật**
- Số tín chỉ : **3 (3,0,6)**
(Lý thuyết, thực hành, Tự học)
 - Lên lớp (lý thuyết): 45 giờ
- Phân bổ thời gian
 - Làm việc nhóm, thực hành, thảo luận: 90 giờ
 - Tự học, tự nghiên cứu: 15 giờ
- Học phần tiên quyết : **Đã học xong chương trình đại cương**
- Học phần học trước : **Không**
- Học phần song hành : **không**

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description)

Nội dung của học phần gồm những vấn đề pháp lý cơ bản trong kinh doanh quốc tế, các hệ thống pháp luật kinh doanh quốc tế chủ yếu trên thế giới, xung đột pháp luật trong

kinh doanh quốc tế. Học phần giới thiệu các nguyên lý chung về hợp đồng kinh doanh quốc tế, từ khái niệm, nguồn luật điều chỉnh cho đến những vấn đề pháp lý cần lưu ý khi giao kết và thực hiện hợp đồng kinh doanh quốc tế. Học phần cung cấp cho người học những kỹ năng pháp lý cơ bản, cần thiết trong việc giao kết, thực hiện các hợp đồng kinh doanh quốc tế chủ yếu thường gặp như hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, hợp đồng cung cấp dịch vụ quốc tế, hợp đồng đầu tư quốc tế. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế cũng là một trong các nội dung của học phần này.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên phải:

Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
O1	Áp dụng kiến thức pháp luật về kinh doanh quốc tế xuất nhập khẩu để soạn thảo các hợp đồng kinh doanh quốc tế.
O2	Thực hiện hoạt động giao kết, thực hiện các hợp đồng kinh doanh quốc tế chủ yếu thường gặp như hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, hợp đồng cung cấp dịch vụ quốc tế, hợp đồng đầu tư quốc tế .
O3	Tham gia tích cực vào việc trao đổi, ra quyết định trong nhóm, hoàn thành công việc hiệu quả và đúng thời gian, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm thông qua việc ứng dụng kỹ năng ứng xử và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm để giải quyết các tình huống liên quan đến kinh doanh quốc tế.
O4	Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp thông qua việc nhận thức được tầm quan trọng của pháp luật, có thái độ ủng hộ và bảo vệ sự công bằng, lẽ phải trong đời sống và công việc hằng ngày.

4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên cần đạt được các yêu cầu tối thiểu sau:

Ox	CLOx	PLOx
----	------	------

O1	CLO1. Trình bày được các vấn đề cơ bản về pháp luật kinh doanh quốc tế. CLO2. Soạn thảo được các điều khoản cơ bản của hợp đồng kinh doanh quốc tế . CLO3.Áp dụng các kiến thức pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý.	PLO4 PLO5
O2	CLO4. Giao kết hợp đồng với đối tác nước ngoài. CLO5.Giải quyết các thủ tục pháp lý liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, hợp đồng cung cấp dịch vụ quốc tế, hợp đồng đầu tư quốc tế.	PLO5 PLO8 PLO9
O3	CLO6. Tham gia tích cực vào việc trao đổi, ra quyết định trong nhóm, hoàn thành công việc hiệu quả và đúng thời gian thông qua việc ứng dụng kỹ năng ứng xử và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm để giải quyết các tình huống liên quan đến lĩnh vực kinh doanh quốc tế.	PLO13
O4	CLO7. Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp thông qua việc nhận thức được tầm quan trọng của pháp luật, có thái độ ủng hộ và bảo vệ sự công bằng, lẽ phải trong đời sống và công việc hằng ngày.	PLO15

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH DẠY HỌC (Course content, Lesson plan)

6.

		Số giờ	
Số TT	Nội dung		TỔNG

	(Tên bài giảng)	Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
Bài 1	Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁP LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ 1.1 Tổng quan về pháp luật kinh doanh quốc tế 1.1.1 Khái niệm chung về pháp luật kinh doanh quốc tế 1.1.2 Đặc điểm của pháp luật kinh doanh quốc tế 1.1.3 Pháp luật kinh doanh quốc tế và pháp luật thương mại quốc tế	3	6	1		10
Bài 2	Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁP LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ 1.2 Các hệ thống pháp luật tiêu biểu trên thế giới và xung đột pháp luật trong kinh doanh quốc tế	3	6	1		10

	1.2.1 Các hệ thống pháp luật tiêu biểu trên thế giới 1.2.2 Xung đột pháp luật trong kinh doanh quốc tế					
Bài 3	CHƯƠNG 2: HỢP ĐỒNG KINH DOANH QUỐC TẾ 2.1 Tổng quan về hợp đồng kinh doanh quốc tế <i>2.1.1 Khái niệm chung về hợp đồng kinh doanh quốc tế</i> <i>2.1.2 Nguồn luật điều chỉnh hợp đồng kinh doanh quốc tế</i>	3	6	1		10
Bài 4	CHƯƠNG 2: HỢP ĐỒNG KINH DOANH QUỐC TẾ 2.2 Giao kết hợp đồng kinh doanh quốc tế <i>2.2.1 Nguyên tắc giao kết hợp đồng</i> <i>2.2.2 Đề nghị giao kết hợp đồng</i>	3	6	1		10

	2.2.3 <i>Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng</i> 2.2.4 <i>Một số vấn đề cần lưu ý khi giao kết hợp đồng kinh doanh quốc tế</i>					
Bài 5	CHƯƠNG 2: HỢP ĐỒNG KINH DOANH QUỐC TẾ 2.3 Điều kiện hiệu lực của hợp đồng kinh doanh quốc tế và vấn đề hợp đồng vô hiệu 2.3.1 <i>Điều kiện hiệu lực của hợp đồng</i> 2.3.2 <i>Hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý</i> 2.4 Thực hiện hợp đồng kinh doanh quốc tế 2.4.1 <i>Nguyên tắc thực hiện hợp đồng</i> 2.4.2 <i>Nghĩa vụ của các bên</i> 2.4.3 <i>Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng</i>	3	6	1		10
Bài 6	CHƯƠNG 3: HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ	3	6	1		10

	3.1 Tổng quan về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế 3.1.1 <i>Khái niệm chung về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế</i> 3.1.2 <i>Nguồn luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế</i> 3.2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế 3.2.1 <i>Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người bán</i>					
Bài 7	CHƯƠNG 3: HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ 3.2 Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (tt) 3.2.2 <i>Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người bán</i>	3	6	1		10

	3.2.3 <i>Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người mua</i> 3.2.4 <i>Vấn đề trách nhiệm sản phẩm trong mua bán hàng hóa quốc tế</i> 3.3 Một số điều khoản cần lưu ý khi giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế					
Bài 8	CHƯƠNG IV: HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ QUỐC TẾ I. Tổng quan về dịch vụ và hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế <i>1. Tổng quan về dịch vụ</i> <i>2. Tổng quan về hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế</i> I. Giao kết và thực hiện hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế <i>1. Nội dung của hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế</i>	3	6	1		10

	2. <i>Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên</i> II. Một số hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế phổ biến a. <i>Hợp đồng cung ứng dịch vụ logistics</i> b. <i>Hợp đồng bảo hiểm hàng hóa</i> c. <i>Hợp đồng xây dựng</i> <i>Hợp đồng cung ứng dịch vụ tư vấn pháp lý</i>					
Bài 9	CHƯƠNG 4: HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ QUỐC TẾ 4.1 Tổng quan về dịch vụ và hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế 4.1.1 <i>Tổng quan về dịch vụ</i> 4.1.2 <i>Tổng quan về hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế</i>	3	6	1		10
Bài 10	CHƯƠNG 4: HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ QUỐC TẾ	3	6	1		10

	4.2 Giao kết và thực hiện hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế <i>4.2.1 Nội dung của hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế</i> <i>4.2.2 Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên</i>					
Bài 11	CHƯƠNG 4: HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ QUỐC TẾ 4.3 Một số hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế phổ biến <i>4.3.1 Hợp đồng cung ứng dịch vụ logistics</i> <i>4.3.2 Hợp đồng bảo hiểm hàng hóa</i> <i>4.3.3 Hợp đồng xây dựng</i> <i>4.3.4 Hợp đồng cung ứng dịch vụ tư vấn pháp lý</i>	3	6	1		10
Bài 12	CHƯƠNG 5: MỘT SỐ HỢP ĐỒNG PHỔ BIẾN TRONG ĐẦU TƯ QUỐC	3	6	1		10

	TỔ 5.1 Tổng quan về đầu tư quốc tế <i>5.1.1 Khái quát về đầu tư</i> <i>5.1.2 Khái quát về đầu tư quốc tế</i> <i>5.1.3 Các hình thức đầu tư quốc tế</i>					
Bài 13	CHƯƠNG 5: MỘT SỐ HỢP ĐỒNG PHỔ BIẾN TRONG ĐẦU TƯ QUỐC TẾ 5.2 Một số loại hợp đồng cụ thể trong đầu tư quốc tế <i>5.2.1 Hợp đồng liên doanh</i> <i>5.2.2 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)</i> <i>Các hợp đồng BOT, BTO, BT</i>	3	6	1		10
Bài 14	CHƯƠNG 6: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH QUỐC TẾ 6.1 Tổng quan về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế	3	6	1		10

	6.1.1 <i>Tranh chấp trong kinh doanh quốc tế</i> 6.1.2 <i>Các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế</i> 6.2 Các phương thức giải quyết tranh chấp không mang tính tài phán 6.2.1 <i>Thương lượng trực tiếp giữa các bên</i> 6.2.2 <i>Giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải</i> 6.2.3 <i>Giải quyết tranh chấp thông quan trung gian</i> 6.2.4 <i>Một số phương thức khác (mini-trial, DRB, DAB...)</i>					
Bài 15	CHƯƠNG 6: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH QUỐC TẾ 6.3 Các phương thức giải quyết tranh chấp mang tính tài phán	3	6	1		10

	6.3.1 Giải quyết tranh chấp bằng tòa án					
	6.3.2 Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại					
	6.4 Giải quyết tranh chấp về hợp đồng điện tử					
	6.4.1 Hợp đồng điện tử					
	6.4.2 Tranh chấp về hợp đồng điện tử					
	6.4.3 Kỹ năng giải quyết tranh chấp về hợp đồng điện tử					
Tổng		45	90	15		150

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

5.2. Thực hành:

Không

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (Teaching – Learning methods):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: thuyết giảng, hướng dẫn nghiên cứu tài liệu, bài tập, bài tập theo nhóm
- Thực hành: Không

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết: nghe giảng, nghiên cứu tài liệu, tổng hợp tài liệu, làm bài tập về nhà, làm bài tập theo nhóm
- Thực hành: Không

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

7.1. Tài liệu dạy học

[1] Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế - Phần I, Phần II*, Nxb. Hồng Đức.

7.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ luật Dân sự Việt Nam 2015;
- [2] Luật Thương mại Việt Nam 2005;
- [3] Luật Hải quan 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- [4] Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2015;
- [5] Incoterms 2020;
- [6] Công ước Viên 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế;
- [7] Quy tắc trọng tài và quy tắc hòa giải của ICC;
- [8] Quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) năm 2004;
- [9] Công ước New- York năm 1958 về công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài;
- [10] Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003;
- [11] Incoterms 2000 của Phòng Thương mại quốc tế;
- [12] UCP 500, UCP 600 của Phòng thương mại quốc tế;
- [13] Luật mẫu của UNCITRAL về trọng tài thương mại quốc tế năm 1985;
- [14] Bộ Nguyên tắc của Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế năm 2004;
- [15] Công ước của Liên hợp quốc (Công ước New-York năm 2005) về việc sử dụng các chứng từ điện tử trong các hợp đồng quốc tế.

Websites tham khảo

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

- [1] Laptop
- [2] Slides
- [3] Máy chiếu
- [4] Viết và bảng
- [5] Micro

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (*Testing and assessment methods*)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
<i>Đạt các học phần chỉ yêu cầu đánh giá “Đạt” và không tính điểm trung bình học tập)</i>	<i>Từ 5,0 trở lên</i>	<i>P</i>	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
<i>Hoàn thành bài tập theo nhóm</i>	<i>Chấm bài tập</i>	<i>Rubic 1</i>	<i>100%</i>

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh, ý thức học tập	Rubic ...	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubic ...	20% - 30%
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
		...		
Kết thúc học phần	Thi	Trắc nghiệm / Tự luận	Rubic ...	60% - 70%

(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - Khối ngoài Sức khỏe 60%)

9. MA TRẬN (Matrix):

- ❖ Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: (nên có ma trận này)

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)						
	(2)	(3)	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)
CLO1	H	H	H	H	S	S	S
CLO2	H	H	H	H	P	H	S
CLO3	H	H	H	H	H	H	S
CLO4	H	H	H	H	S	S	S
CLO5	H	S	S	S	S	S	P
CLO6	H	S	S	S	S	S	P

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)						
	(2)	(3)	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)
CLO7	H	S	S	S	P	P	P

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Để trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

Ngoài ra có thể viết thêm ma trận khác nếu có điều kiện:

❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần

PP dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)						
	(2)	(3)	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)
Thuyết trình	H	H	H	H	H	H	H
Thảo luận nhóm	H	H	H	H	H	H	S
Hỏi – trả lời	S	S	S	S	S	S	P
Báo cáo chuyên đề							
Bài tập							
....							

❖ Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)					
	(2)	(3)	(6)	(8)	(13)	(15)
Lý thuyết	H	H	H	H	H	H
Điểm chuyên cần	P	P	P	P	P	P
Điểm kiểm tra MCQ	S	S	S	S	S	S
Điểm thi kết thúc MCQ	H	H	H	H	H	H
Thực hành						
Kế hoạch thực hành, bệnh án ...						
Thi kết thúc						

❖ Ma trận tương thích nội dung dạy – học và chuẩn đầu ra của học phần

❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và nội dung dạy – học

10. RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (*Scoring guide/Rubric*):

Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần

Số giờ HP Số giờ vắng	Mức điểm Thang điểm 10	Ghi chú
0%	10	
> 0% - 10%	9	Có phép
> 0% - 10%	7	Không có phép
....		
> 25%	0	Không được dự thi kiểm tra học phần

Rubic 2: thang điểm chấm bài trắc nghiệm (kiểm tra thường xuyên).

Rubic 3: Đánh giá bài báo cáo nhóm

Rubic 4: Đánh giá thuyết trình nhóm

Rubic 5: Đánh giá hoạt động cá nhân tự học

- Bài tập cá nhân
- Tham gia hoạt động nhóm
- Hoạt động trong giờ học trên lớp

Rubic 6: Thang điểm chấm bài thi thực hành

Rubic 7: Thang điểm chấm bài thi trắc nghiệm cuối kỳ

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (Student support)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ hàng tuần tại Văn phòng khoa ...

Tp.HCM, ngày tháng năm 2022

Trưởng Khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Mai Thị Trúc Ngân

ThS. Đinh Thị Cẩm Hà

ThS Bùi Thị Tâm